

Bản án số: 328/2017/HSPT

Ngày 13/11/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 329/2017/HSPT, ngày 13/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T** (tên gọi khác: B); sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Quang V và con bà Ngô Thị H; bị cáo có vợ là Lê Thị G và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án số 74/2009/HSST ngày 04/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Nguyễn Hữu T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng 02 ngày, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 11/2010/HSST ngày 13/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã xử phạt Nguyễn Hữu T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 74/2009/HSST ngày 04/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, buộc bị cáo phải chấp hành

hình phạt chung của cả 02 bản án là 03 năm 08 tháng 01 ngày tù. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 31-5-2013 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2017 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Công M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Bùi Nam S nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/5/2017, Bùi Nam S điều khiển xe mô tô biển số 47F6-xxxx của ông Bùi Quốc T từ nhà ở thôn E, xã E, huyện K đến nhà Nguyễn Hữu T ở xã C chơi. Sau đó, Nguyễn Hữu T rủ Bùi Nam S đi trộm cắp xe mô tô thì Bùi Nam S đồng ý. Nguyễn Hữu T đưa cho Bùi Nam S một vạm phá khóa do Nguyễn Hữu T tự chế, rồi Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô biển số 47F6-xxxx chở Bùi Nam S đến thôn T, xã C, huyện K thì nhìn thấy một xe mô tô hiệu Super Dream biển số 47L1-xxxx của ông Trương Văn T ở thôn T, xã C đang dựng ở bên lề đường, không có người trông coi. Nguyễn Hữu T dùng xe cho Bùi Nam S đi bộ đến dùng vạm phá khóa điện của xe mô tô biển số 47L1-xxxx rồi nổ máy, điều khiển xe chạy được khoảng 200m, do xe bị ngộp xăng nên không đi được, Bùi Nam S bỏ lại xe trộm cắp rồi lên xe mô tô biển số 47F6-xxxx do Nguyễn Hữu T điều khiển để chạy về hướng thôn T, xã C. Sau đó, hành vi của Nguyễn Hữu T và Bùi Nam S bị phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Krông Năng đã kết luận: Xe mô tô hiệu Super Dream, màu nâu, biển số 47L1-xxxx, trị giá 6.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/5/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Bùi Nam S 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2017, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến bào chữa: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Bởi vì: Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, thực sự biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo là Liệt sĩ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo nhất trí với quan điểm ý kiến của người bào chữa và không có tranh luận bào chữa gì thêm, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Vào sáng ngày 08/5/2017, bị cáo Nguyễn Hữu T và Bùi Nam S rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến thôn T, xã C, huyện K, thì phát hiện thấy 01

chiếc xe mô tô hiệu Super Dream, màu nâu, biển số 47L1-xxxx của ông Trương Văn T đang dừng ở lề đường không có người trông coi, bị cáo Nguyễn Hữu T và Bùi Nam S đã trộm cắp chiếc xe này, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt qua định giá có giá trị 6.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội; mức hình phạt 01 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, như: Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho bị hại; bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo là Liệt sĩ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, tuy nhiên gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/5/2017.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình